TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH** **TỈNH HOÀ BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2017/LHST
Ngày: 13/11/2017.
V/v Ly hôn;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Thẩm phán Trần Hữu Ngà.
Hội thẩm nhân dân: Phạm Thị Nga, Ngô Thị Như Hoa.
Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bùi Thị Bình.
Với sự tham gia của Kiểm sát viên: Đặng Thị Phương Thảo.

Mở phiên toà công khai tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hòa Bình ngày 13/11/2017, xử sơ thẩm vụ án ly hôn thụ lý số 49/2017/TLST-HNGĐ ngày 09/03/2017, giữa các đương sự sau:

1/ Nguyên đơn: chị **Trịnh Thị N**, sinh ngày 15/3/1976;
ĐKNKTT: Khu tập thể Công ty D, phường TXT, quận Thanh Xuân, Hà Nội;
Nơi cư trú: số nhà 4, ngách 3/10, ngõ 3, phố N, Phường TXT, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
Có mặt tại phiên tòa.

2/ Bị đơn: anh Phạm Tuấn H, sinh ngày 01/8/1967;
ĐKNKTT: tổ 20, phường T,thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.
Nơi cư trú: tổ 05, phường T, thành phố Hòa Bình.
Có mặt tại phiên tòa.

3/ Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB);
Địa chỉ: số 16 Phan Chu Trinh, phường Phan Chu Chinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn H và ông và ông Nguyễn Trung H: c*ó mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình cung cấp chứng cứ, Nguyên đơn Trịnh Thị N cho rằng:

*Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh Phạm Tuấn H, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đã ly thân kéo dài, do vậy chị Nhài làm đơn xin được ly hôn.

*Về con chung: chị N cho rằng vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị Ngân H, sinh ngày 22/12/1993 và Phạm Trọng A, sinh ngày 25/8/2002. Do cháu H đã trên 18 tuổi, nên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu A, chị N đồng ý giao cho bố là Phạm Tuấn H trực tiếp nuôi dưỡng và xin được cấp dưỡng nuôi cháu A theo mức 2.000.000 đồng/tháng.

*Về tài sản chung: chị N chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung: Chị N cho rằng vợ chồng vay tiền của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam để mua ô tô hiệu KIAMORNING, (Xe tải - VAN), BKS 29D-201.32 và đã thế chấp xe này cho Ngân hàng để đảm bảo khoản vay. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm còn nợ lại 215.000.000 đồng gốc, lãi đã trả đến ngày 30/10/2017. Nay chị N xin được sở hữu xe ô tô này và nhận trách nhiệm trả cho VIB toàn bộ nợ gốc, nợ lãi như đã nêu trên.

Quá trình cung cấp chứng cứ, anh Phạm Tuấn H cho rằng:

*Về quan hệ hôn nhân: vợ chồng anh tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Để bảo đảm quyền lợi của con, anh không đồng ý ly hôn.

*Về con chung: Tại phiên tòa anh H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Trọng A và chưa yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản: anh H chưa yêu cầu Tòa án giải quyết

*Về công nợ, anh H thống nhất như nội dung chị N cung cấp và đồng ý giao xe ô tô cho chị N sở hữu nhưng chị N phải thanh toán toàn bộ nợ gốc, nợ lãi phát sinh cho ngân hàng.

Đại diện Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt nam (VIB) cũng thống nhất về số nợ gốc, nợ lãi còn lại của vợ chồng chị N, anh H như đã nêu ở trên và đồng ý giao cho chị N quản lý xe ô tô đã thế chấp cho ngân hàng và chị N phải trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi phát sinh cho VIB.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát cũng cho rằng vợ chồng chị N, anh H mâu thuẫn trầm trọng, đã ly thân kéo dài, mục đích kết hôn không đạt được, nên cần xử cho ly hôn. Quan điểm của các đương sự về con chung, tài sản chung, công nợ chung, án phí như đã nêu ở trên là phù hợp pháp luật, nên cần chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đương sự cung cấp và Tòa thu thập được, thấy rằng:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Trịnh Thị N và anh Phạm Tuấn H là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn, nhưng mâu thuẫn trầm trọng, chung sống không

hạnh phúc; đã ly thân kéo dài; cuộc sống chung thực tế không tồn tại. Nay chị N xin được ly hôn là phù hợp căn cứ luật định, nên được chấp nhận.

2. Về con chung: các đương sự có 02 con chung là Phạm Thị Ngân H, sinh ngày 22/12/1993 và Phạm Trọng A, sinh ngày 25/8/2002. Do cháu H đã trên 18 tuổi, nên không đề cập giải quyết. Đối với cháu A, chị N, anh H thống nhất giao cho bố là Phạm Tuấn Hải trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyện vọng của nguyên đơn, bị đơn phù hợp pháp luật và ý kiến của con, nên được chấp nhận.

Chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu A theo mức 2.000.000 đồng/tháng. Sự tự nguyện hợp pháp, cần được công nhận.

3/ Về công nợ chung: Các đương sự thống nhất vợ chồng chị N, anh H vay tiền của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB) để mua ô tô hiệu KIAMORNING (Xe tải - VAN), BKS 29D-201.32 và đã thế chấp xe này cho Ngân hàng để đảm bảo khoản vay. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm còn nợ lại 215.000.000 đồng và đã trả lãi đến ngày 30/10/2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự thống nhất thỏa thuận giao cho chị Trịnh Thị N sở hữu xe ô tô này và phải trả cho VIB toàn bộ dư nợ gốc, nợ lãi như đã nêu trên, đồng thời phải chịu nghĩa vụ như đã thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp, theo pháp luật hiện hành. Quan điểm đó hợp pháp, được công nhận.

4. Về các tài sản khác: đương sự chưa yêu cầu Tòa giải quyết, nên không xét.

5. Về án phí: nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ các loại án phí phát sinh trong vụ án. Sự tự nguyện hợp pháp, được chấp nhận.

Bởi vậy;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 58, 60, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, nay tuyên xử như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị N ly hôn với anh Phạm Tuấn H.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Trọng A, sinh ngày 25/8/2002 cho bố là Phạm Tuấn H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trịnh Thị N cấp dưỡng nuôi con theo mức 2.000.000 đồng/tháng, cho đến khi cháu Trọng A đủ 18 tuổi; được quyền đi lại thăm nom con chung theo luật định..

3. Giao cho chị Trịnh Thị N sở hữu xe ô tô hiệu KIAMORNING (Xe tải - VAN), BKS 29D-201.32.

Chị Trịnh Thị N phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế Việt nam (VIB) 215.000.000 đồng (Hai trăm mười lăm triệu đồng) nợ gốc kèm theo

khoản lãi phát sinh của số nợ trên. Chị N phải chịu nghĩa vụ như đã thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp, theo pháp luật hiện hành.

Nếu chị N không trả số nợ trên thì VIB có quyền phát mại, hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng đã ký.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và VIB có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ thi hành án không trả được nợ thì phải chịu tiền lãi đối với khoản nợ gốc, kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm, cho đến khi thanh toán hết nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, tương ứng số tiền và thời gian chậm trả.

Bên được thi hành án và người phải thi hành án dân sự theo bản án này có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Chị Trịnh Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn; 10.750.000 đồng án phí dân; 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; được đối trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp Tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình, theo biên lai số 0003059 ngày 09/3/2017.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận kết quả xét xử.

án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hòa Bình*;
- *VKSND thành phố Hòa Bình;*
- *Chi cục THADS thành phố Hòa Bình;*
- *UBND phường, xã nơi ĐS cư trú;*
- *Đương sự;*
- *Lưu HS + VT + LT.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Chủ Tọa phiên tòa